|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GTVT HẬU GIANG  **PHÒNG QLVT, PT&NL** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc** |
|  | *Hậu Giang, ngày tháng 01 năm 2024* |

**MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN CHO WEBSITE SỞ**

**I. Tiêu đề:** Triển khaiThông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

**II. Nội dung:** Ngày 18 tháng 12 năm 2023 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành các Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Theo đó, Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, được quy định như sau:

Quy định điều kiện để được dự thi để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) của thuyền trưởng hạng nhì.

Cụ thể, Điều 1, Thông tư 38/2023/TT-BGTVT đã sửa đổi điểm a, khoản 9; điểm a, khoản 10; điểm a, khoản 11; điểm a, khoản 12, Điều 6, Thông tư 40/2019/TT-BGTVT quy định điều kiện cụ thể dự thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn như sau:

- Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì: Có GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhì đủ 18 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 12 tháng trở lên;

(So với hiện hành tại Thông tư 40/2019/TT-BGTVT thì quy định mới bổ sung thêm trường hợp đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhì đủ 18 tháng trở lên).

- Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhì: Có GCNKNCM máy trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề máy trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên;

(Điểm mới bổ sung thêm đối tượng đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên).

- Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất: Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên, có GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhất đủ 24 tháng trở lên;

(Quy định mới bổ sung trường hợp đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên).

- Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhất: Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên, có GCNKNCM máy trưởng hạng nhì, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhất đủ 18 tháng trở lên.

(Thêm đối tượng đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhất đủ 18 tháng trở lên).

Ngoài ra, Điều 1, Thông tư 38/2023/TT-BGTVT cũng sửa đổi Điều 13, Thông tư 40/2019/TT-BGTVT các môn thi, kiểm tra; hình thức thi, kiểm tra; thời gian thi, kiểm tra được quy định như sau:

- Hội đồng thi, kiểm tra căn cứ ngân hàng câu hỏi do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ban hành để lựa chọn đề thi, kiểm tra bao gồm các môn thi, kiểm tra lý thuyết và thực hành;

- Đối với môn thi lý thuyết tổng hợp:

Hình thức thi, kiểm tra: trắc nghiệm trên máy vi tính;

Thời gian thi, kiểm tra: tối đa 45 phút;

Kết quả: đạt hoặc không đạt;

Mỗi đề có 30 (ba mươi) câu hỏi, làm đúng từ 25 (hai mươi lăm) câu trở lên thì đạt yêu cầu.

- Đối với môn thi lý thuyết chuyên môn:

Hình thức thi: vấn đáp;

Thời gian thi: tối đa 45 phút, thời gian thí sinh chuẩn bị không quá 30 phút, thời gian hỏi, đáp không quá 15 phút;

Kết quả: đạt hoặc không đạt.

- Đối với các môn thi, kiểm tra thực hành:

Nội dung thi, kiểm tra: gồm các kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và xử lý các tình huống thường gặp trong thực tế;

Thời gian thi thuyền trưởng hạng nhất tối đa 120 phút;

Thời gian thi thuyền trưởng hạng nhì tối đa 90 phút; Thời gian thi thuyền trưởng hạng ba tối đa 60 phút;

Thời gian thi thuyền trưởng hạng tư tối đa 45 phút;

Thời gian kiểm tra chứng chỉ thủy thủ, chứng chỉ lái phương tiện và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt tối đa 30 phút;

Máy trưởng hạng nhất, máy trưởng hạng nhì, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ thợ máy không thi, kiểm tra môn thực hành;

Kết quả: đạt hoặc không đạt;

Cách thức thi, kiểm tra: do Hội đồng thi, kiểm tra quyết định.

- Ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học, thi, kiểm tra: bằng tiếng Việt.

- Nội quy thi, kiểm tra theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2024.

Sở Giao thông vận tải triển khai đến các tổ chức, cá nhân và các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được biết và thực hiện.



***Ảnh minh họa***

*(Đính kèm Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18/12/2023 của Bộ GTVT)*

*Thực hiện: Phòng Quản lý vận tải Phương tiện và Người lái.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt của BBT** | **Phó Trưởng Phòng** | **Người viết tin** |
| **Lê Thanh Việt** | **Nguyễn Thái Học** | **Nguyễn Minh Cảnh** |